

Số: ~~1987~~/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 13 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực thuộc thẩm quyền của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật, Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 về kiểm soát thủ tục hành chính; số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013, số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ: Số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính; số 01/2018/TT-VPCP ngày 05/12/2018 hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP;

Xét đề nghị của Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng tại Công văn số 2877/BQL-VP ngày 06/7/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực thuộc thẩm quyền của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng.

Điều 2. Giao Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng tổ chức thực hiện việc công khai Danh mục và nội dung thủ tục hành chính lĩnh vực thuộc thẩm quyền; xây dựng quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính và cập nhật trên Hệ thống Một cửa điện tử và Dịch vụ công trực tuyến thành phố theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1195/QĐ-UBND ngày 13/5/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thêm mới lĩnh vực thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng.

(Chữ ký)

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, phường, xã, thị trấn trên địa bàn thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- VPCP, các Bộ: TC, KH&ĐT, CT, TN&MT, LĐT&XH, XD;
- Cục KSTTHC - VPCP;
- TTTU, TT H&NDTP;
- CT, các PCT UBND TP;
- CVP, các PCVP;
- Đài PT&TH HP, Báo HP, Chuyên trang ANHP;
- Công TT&TTP;
- Các Phòng: KSTTHC, XDGT&CT, NNTN&MT, VX, TCNS, NC&KTGS;
- CV: KSTTHC;
- Lưu: VT. *VT*

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Tùng

DANH MỤC

Thủ tục hành chính lĩnh vực thuộc thẩm quyền của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng (52 thủ tục)

(kèm theo Quyết định số: 1987 /QĐ-UBND ngày 13 / 7 /2021 của Chủ tịch UBND thành phố)

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp | | Căn cứ pháp lý |
|---|--|---|-----------------------------------|----------------------|---|----------------------------|---|
| | | | | | Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 | Dịch vụ bưu chính công ích | |
| I. LĨNH VỰC ĐẦU TƯ TẠI VIỆT NAM (23) | | | | | | | |
| 1 | Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân thành phố đối với dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh sân gôn | <p>- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định, Ban quản lý gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của các cơ quan có liên quan về những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan đó.</p> <p>- Trong thời hạn 15</p> | Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng | Không | x | x | <p>- Luật Đầu tư ngày 17/6/2020;</p> <p>- Nghị định số 31/2021/NĐ-CP</p> <p>- Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT.</p> |

| | | | | | | | |
|--|--|---|--|--|--|--|--|
| | | <p>ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Ban quản lý, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến thẩm định về nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình, gửi Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế.</p> <p>- Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ dự án đầu tư, Ban quản lý lập báo cáo thẩm định, trình UBND thành phố quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư.</p> <p>- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo thẩm định, Ủy ban nhân dân thành phố xem xét chấp thuận chủ</p> | | | | | |
|--|--|---|--|--|--|--|--|

| | | | | | | | |
|---|--|---|-----------------------------------|-------|---|---|---|
| | | trương đầu tư. | | | | | |
| 2 | Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý quy định tại khoản 7 Điều 33 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP | <p>- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định, Ban quản lý gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của các cơ quan có liên quan về những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan đó.</p> <p>- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Ban quản lý, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến thẩm định về nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình, gửi Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế.</p> <p>- Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ dự</p> | Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng | Không | x | x | <p>- Luật Đầu tư ngày 17/6/2020;</p> <p>- Nghị định số 31/2021/NĐ-CP</p> <p>- Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT.</p> |

| | | | | | | | |
|---|--|--|-----------------------------------|-------|---|---|---|
| | | án đầu tư, Ban quản lý lập báo cáo thẩm định và quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư. | | | | | |
| 3 | Thủ tục chấp thuận nhà đầu tư đối với dự án đầu tư thực hiện tại khu kinh tế quy định tại khoản 4 Điều 30 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP | <p>- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định khu kinh tế, Ban quản lý gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của các cơ quan có liên quan về những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan đó.</p> <p>- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Ban quản lý, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến thẩm định về nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình, gửi Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu</p> | Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng | Không | x | x | <p>- Luật Đầu tư ngày 17/6/2020;</p> <p>- Nghị định số 31/2021/NĐ-CP</p> <p>- Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT.</p> |

| | | | | | | | |
|---|--|--|--|--------------|----------|----------|---|
| | | <p>công nghệ cao, khu kinh tế.</p> <p>- Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ dự án đầu tư, Ban quản lý khu kinh tế lập báo cáo thẩm định và quyết định chấp thuận nhà đầu tư.</p> | | | | | |
| 4 | <p>Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư</p> | <p>- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ khi dự án đáp ứng các điều kiện tại khoản 3 Điều 36 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP, cơ quan đăng ký đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.</p> | <p>Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng</p> | <p>Không</p> | <p>x</p> | <p>x</p> | <p>- Luật Đầu tư ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT.</p> |
| 5 | <p>Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân thành phố</p> | <p>- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định, Ban quản lý gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của các cơ quan có liên quan về</p> | <p>Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng</p> | <p>Không</p> | <p>x</p> | <p>x</p> | |

| | | | | | | | |
|--|--|---|--|--|--|--|--|
| | | <p>những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan đó.</p> <ul style="list-style-type: none">- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Ban quản lý, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến thẩm định về nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình, gửi Ban quản lý.- Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ dự án đầu tư, Ban Quản lý lập báo cáo thẩm định và quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư.- Trong thời hạn 07 Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân thành phố <p>Thủ tục điều chỉnh dự</p> | | | | | |
|--|--|---|--|--|--|--|--|

| | | | | | | | |
|---|---|--|-----------------------------------|-------|---|---|---|
| | | án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư. | | | | | |
| 6 | Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý | <p>- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định, Ban Quản lý gửi hồ sơ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 33 của Nghị định này để lấy ý kiến về những nội dung điều chỉnh dự án đầu tư;</p> <p>- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Ban quản lý, Cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về nội dung điều chỉnh dự án thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan đó;</p> <p>- Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận</p> | Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng | Không | x | x | <p>- Luật Đầu tư ngày 17/6/2020;</p> <p>- Nghị định số 31/2021/NĐ-CP</p> <p>- Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT.</p> |

| | | | | | | | |
|---|--|---|-----------------------------------|-------|---|---|--|
| | | được hồ sơ hợp lệ dự án đầu tư, Ban Quản lý quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư. Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư được gửi cho nhà đầu tư, cơ quan có liên quan đến việc thực hiện dự án đầu tư. | | | | | |
| 7 | Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp dự án đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND thành phố hoặc Ban Quản lý | - Trong thời hạn tối đa 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư. | Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng | Không | x | x | - Luật Đầu tư ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT. |

| | | | | | | | |
|---|--|---|--|--------------|----------|----------|--|
| 8 | <p>Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND thành phố hoặc Ban Quản lý</p> | <p>- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý gửi hồ sơ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 33 của Nghị định này để lấy ý kiến về những nội dung điều chỉnh dự án đầu tư.</p> <p>- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, các cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về nội dung điều chỉnh dự án thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan đó;</p> <p>- Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý quyết định chấp thuận điều</p> | <p>Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng</p> | <p>Không</p> | <p>x</p> | <p>x</p> | |
|---|--|---|--|--------------|----------|----------|--|

| | | | | | | | |
|---|--|--|--|--------------|----------|----------|---|
| | | <p>chính chủ trương đầu tư hoặc lập báo cáo thẩm định các nội dung điều chỉnh dự án đầu tư để trình Ủy ban nhân dân thành phố;</p> <p>- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo thẩm định của Ban Quản lý, Ủy ban nhân dân thành phố quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư.</p> | | | | | |
| 9 | <p>Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư là tài sản bảo đảm đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND thành phố hoặc Ban Quản lý</p> | <p>- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý gửi hồ sơ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 33 của Nghị định này để lấy ý kiến về những nội dung</p> | <p>Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng</p> | <p>Không</p> | <p>x</p> | <p>x</p> | <p>- Luật Đầu tư ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT.</p> |

| | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|
| | | <p>điều chỉnh dự án đầu tư.</p> <ul style="list-style-type: none">- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, các cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về nội dung điều chỉnh dự án thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan đó;- Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư hoặc lập báo cáo thẩm định các nội dung điều chỉnh dự án đầu tư để trình Ủy ban nhân dân thành phố;- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|

| | | | | | | | |
|----|--|---|--|--------------|----------|----------|---|
| | | <p>sơ và báo cáo thẩm định của Ban Quản lý, Ủy ban nhân dân thành phố quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư.</p> | | | | | |
| 10 | <p>Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND thành phố hoặc Ban Quản lý</p> | <p>- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý gửi hồ sơ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 33 của Nghị định này để lấy ý kiến về những nội dung điều chỉnh dự án đầu tư.</p> <p>- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, các cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về nội dung điều chỉnh dự án thuộc phạm vi quản lý nhà nước của</p> | <p>Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng</p> | <p>Không</p> | <p>x</p> | <p>x</p> | <p>- Luật Đầu tư ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT.</p> |

| | | | | | | | |
|----|---|--|--|--------------|----------|----------|---|
| | | <p>cơ quan đó;</p> <p>- Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý quyết định chấp thuận điều chỉnh hoặc lập báo cáo thẩm định các nội dung điều chỉnh dự án đầu tư để trình Ủy ban nhân dân thành phố;</p> <p>- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo thẩm định của Ban Quản lý, Ủy ban nhân dân thành phố quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư.</p> | | | | | |
| 11 | <p>Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận</p> | <p>- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ban quản lý gửi hồ sơ cho cơ quan nhà nước có</p> | <p>Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng</p> | <p>Không</p> | <p>x</p> | <p>x</p> | <p>- Luật Đầu tư ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT.</p> |

| | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|
| | <p>chủ trương đầu tư của UBND thành phố hoặc Ban Quản lý</p> | <p>thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 33 của Nghị định này để lấy ý kiến về những nội dung điều chỉnh dự án đầu tư.</p> <p>- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, các cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về nội dung điều chỉnh dự án thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan đó;</p> <p>- Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý quyết định chấp thuận chủ trương điều chỉnh hoặc lập báo cáo thẩm định các nội dung điều chỉnh dự án đầu tư để trình Ủy ban nhân dân thành</p> | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|

| | | | | | | | |
|----|---|--|--|--------------|----------|----------|---|
| | | <p>phố;</p> <p>- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo thẩm định của Ban Quản lý, Ủy ban nhân dân thành phố quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư.</p> | | | | | |
| 12 | <p>Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn vào doanh nghiệp đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND thành phố hoặc Ban Quản lý</p> | <p>- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ban quản lý gửi hồ sơ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 33 của Nghị định này để lấy ý kiến về những nội dung điều chỉnh dự án đầu tư.</p> <p>- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, các cơ quan được lấy</p> | <p>Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng</p> | <p>Không</p> | <p>x</p> | <p>x</p> | <p>- Luật Đầu tư ngày 17/6/2020;</p> <p>- Nghị định số 31/2021/NĐ-CP</p> <p>- Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT.</p> |

| | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|
| | | <p>ý kiến có ý kiến về nội dung điều chỉnh dự án thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan đó;</p> <p>- Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý lập báo cáo thẩm định các nội dung điều chỉnh dự án đầu tư để chấp thuận điều chỉnh hoặc trình Ủy ban nhân dân thành phố đối với dự án thuộc thẩm quyền của UBND;</p> <p>- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo thẩm định của Ban Quản lý, Ủy ban nhân dân thành phố quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư.</p> | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|

| | | | | | | | |
|----|---|--|-----------------------------------|-------|---|---|---|
| 13 | <p>Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND thành phố hoặc Ban Quản lý</p> | <p>- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý gửi hồ sơ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 33 của Nghị định này để lấy ý kiến về những nội dung điều chỉnh dự án đầu tư.</p> <p>- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, các cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về nội dung điều chỉnh dự án thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan đó;</p> <p>- Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý lập báo cáo thẩm định các nội</p> | Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng | Không | x | x | <p>- Luật Đầu tư ngày 17/6/2020;</p> <p>- Nghị định số 31/2021/NĐ-CP</p> <p>- Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT.</p> |
|----|---|--|-----------------------------------|-------|---|---|---|

| | | | | | | | |
|----|---|---|--|--------------|----------|----------|---|
| | | <p>dùng điều chỉnh dự án đầu tư để quyết định chấp thuận điều chỉnh hoặc trình Ủy ban nhân dân thành phố đối với dự án thuộc thẩm quyền của UBND;</p> <p>- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo thẩm định của Ban Quản lý, Ủy ban nhân dân thành phố quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư.</p> | | | | | |
| 14 | <p>Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư (Khoản 3 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)</p> | <p>- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý căn cứ bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của tòa án, trọng tài quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu</p> | <p>Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng</p> | <p>Không</p> | <p>x</p> | <p>x</p> | <p>- Luật Đầu tư ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT.</p> |

| | | | | | | | |
|----|--|--|--|--------------|----------|----------|---|
| | | <p>tư hoặc trình Ủy ban nhân dân thành phố để điều chỉnh Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư;</p> <p>- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Ban Quản lý, Ủy ban nhân dân thành phố quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư.</p> | | | | | |
| 15 | <p>Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 41 của Luật Đầu tư (Khoản 4 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)</p> | <p>- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ban Quản lý căn cứ bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của tòa án, trọng tài thực hiện thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.</p> | <p>Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng</p> | <p>Không</p> | <p>x</p> | <p>x</p> | <p>- Luật Đầu tư ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT.</p> |

| | | | | | | | |
|----|---|---|--|--------------|----------|----------|---|
| 16 | <p>Thủ tục gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND thành phố hoặc Ban Quản lý</p> | <p>- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý gửi hồ sơ cho cơ quan quản lý đất đai và các cơ quan có liên quan để lấy ý kiến về việc đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 4 Điều 44 của Luật Đầu tư và khoản 4 Điều 27 của Nghị định này;</p> <p>- Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về việc đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 4 Điều 44 Luật Đầu tư và khoản 4 Điều 27 Nghị định này;</p> <p>- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ,</p> | <p>Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng</p> | <p>Không</p> | <p>x</p> | <p>x</p> | <p>- Luật Đầu tư ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT.</p> |
|----|---|---|--|--------------|----------|----------|---|

| | | | | | | | |
|----|---|---|--|--------------|----------|----------|---|
| | | <p>Ban Quản lý xem xét điều kiện gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư quy định tại khoản 4 Điều 44 của Luật Đầu tư và khoản 4 Điều 27 của Nghị định này để quyết định gia hạn hoặc lập báo cáo thẩm định trình Ủy ban nhân dân thành phố.</p> <p>- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của Ban Quản lý, Ủy ban nhân dân thành phố quyết định gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư.</p> | | | | | |
| 17 | <p>Thủ tục ngừng hoạt động của dự án đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND thành phố hoặc Ban Quản lý</p> | <p>Trong thời hạn 05 ngày làm việc, Ban Quản lý tiếp nhận và thông báo việc ngừng hoạt động của dự án đầu tư cho các cơ quan liên quan.</p> | <p>Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng</p> | <p>Không</p> | <p>x</p> | <p>x</p> | <p>- Luật Đầu tư ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT.</p> |

| | | | | | | | |
|----|---|--|-----------------------------------|-------|---|---|--|
| 18 | Thủ tục chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư | Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày quyết định, Nhà đầu tư gửi quyết định chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư cho Ban Quản lý, kèm theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có). | Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng | Không | x | x | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT. |
| 19 | Thủ tục cấp lại hoặc hiệu đính Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư | <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý hiệu đính thông tin Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. | Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng | Không | x | x | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT. |
| 20 | Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư | Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý cấp đổi Giấy | Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng | Không | x | x | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP |

| | | | | | | | |
|----|--|--|-----------------------------------|-------|---|---|--|
| | | chứng nhận đăng ký đầu tư. | | | | | - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT. |
| 21 | Thủ tục thực hiện hoạt động đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp đối với nhà đầu tư nước ngoài | Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 2 Điều 66 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP, cơ quan đăng ký đầu tư xem xét việc đáp ứng điều kiện góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp quy định tại khoản 2 Điều 24 của Luật Đầu tư, khoản 4 Điều 65 của Nghị định này và thông báo cho nhà đầu tư, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này. Văn bản thông báo được gửi cho nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, mua phần | Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng | Không | x | x | - Luật Đầu tư ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT. |

| | | | | | | | |
|----|---|---|-----------------------------------|-------|---|---|--|
| | | vốn góp. | | | | | |
| 22 | Thủ tục thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC | Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ quy định tại khoản 4 Điều này, cơ quan đăng ký đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng điều hành cho nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC. | Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng | Không | x | x | - Luật Đầu tư ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT. |
| 23 | Thủ tục chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC | - Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định chấm dứt hoạt động của văn phòng điều hành, nhà đầu tư nước ngoài gửi hồ sơ thông báo cho cơ quan đăng ký đầu tư nơi đặt văn phòng điều hành. - Trong thời hạn 15 | Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng | Không | x | x | - Luật Đầu tư ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT. |

| | | | | | | | |
|-----------------------------------|---|---|-----------------------------------|----------|---|-------|--|
| | | ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan đăng ký đầu tư quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng điều hành. | | | | | |
| II. LĨNH VỰC LAO ĐỘNG (06) | | | | | | | |
| 1 | Cấp giấy phép lao động cho lao động là người nước ngoài | 05 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ) | Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng | 600.000đ | x | Không | <ul style="list-style-type: none"> - Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14 ngày 20/11/2019 của Quốc hội; - Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam; - Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về việc quy định một |

| | | | | | | | |
|---|---|--|-----------------------------------|----------|---|-------|---|
| | | | | | | | số loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền Hội đồng nhân dân thành phố trên địa bàn thành phố Hải Phòng. |
| 2 | Cấp lại giấy phép lao động cho lao động là người nước ngoài | 03 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ) | Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng | 450.000đ | x | Không | <ul style="list-style-type: none"> - Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14 ngày 20/11/2019 của Quốc hội; - Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam; - Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về việc quy định một số loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền Hội đồng nhân dân thành phố trên địa bàn thành phố Hải Phòng. |
| 3 | Gia hạn giấy phép lao động cho lao động là người nước ngoài | 05 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ) | Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng | Không | x | Không | <ul style="list-style-type: none"> - Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14 ngày 20/11/2019 của Quốc hội; - Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ quy định về người lao động |

| | | | | | | | |
|---|--|--|-----------------------------------|-------|-------|-------|---|
| | | | | | | | nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam. |
| 4 | Đăng ký nội quy lao động | 07 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ) | Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng | Không | Không | Không | <ul style="list-style-type: none"> - Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14 ngày 20/11/2019 của Quốc hội; - Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động. |
| 5 | Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài | 10 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ) | Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng | Không | Không | Không | <ul style="list-style-type: none"> - Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14 ngày 20/11/2019 của Quốc hội; - Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam. |

| | | | | | | | |
|---|--|---|-----------------------------------|------------------------------------|-------|-------|---|
| 6 | Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động | 05 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ) | Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng | Không | Không | Không | - Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14 ngày 20/11/2019 của Quốc hội; - Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam. |
| III. LĨNH VỰC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG (04) | | | | | | | |
| 1 | Đăng ký xác nhận/ đăng ký xác nhận lại kế hoạch bảo vệ môi trường cấp huyện đối với các dự án đầu tư trong các khu công nghiệp, khu kinh tế (đối tượng do UBND cấp huyện uỷ quyền cho Ban Quản lý) | - 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (theo quy định là 10 ngày làm việc) | Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng | Không | x | Không | - Luật Bảo vệ môi trường năm 2014; - Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015; - Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/05/2019 của Chính phủ; - Quyết định số 550/QĐ-UBND ngày 22/5/2018. |
| 2 | Thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường/báo cáo đánh giá tác động môi trường lập lại đối với các dự án đầu tư trong các khu công nghiệp (đối | - 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (theo quy định là 45-50 ngày làm việc) | Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng | Theo Nghị quyết số 45/2018/NQ-HĐND | x | Không | - Luật Bảo vệ môi trường năm 2014; - Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015; - Nghị định số |

| | | | | | | | |
|---|---|---|--|---|---|-------|---|
| | trọng do UBND thành phố quyền cho Ban Quản lý) | | | ngày 10/12/201 8 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng | | | 40/2019/NĐ-CP ngày 13/05/2019 của Chính phủ; - Thông tư số 25/2019/TT- BTNMT ngày 31/12/2019; - Quyết định số 3471/QĐ- UBND ngày 27/12/2018; - Quyết định số 1756/QĐ- BTNMT ngày 11/8/2020. |
| 3 | Chấp thuận về môi trường (trường hợp dự án có những thay đổi được quy định tại Khoản 2 Điều 26 Luật Bảo vệ môi trường trong giai đoạn triển khai xây dựng dự án) | - 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng | Không | x | Không | - Luật Bảo vệ môi trường năm 2014; - Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015; - Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/05/2019 của Chính phủ; - Thông tư số 25/2019/TT- BTNMT ngày 31/12/2019; - Quyết định số 3471/QĐ- UBND ngày 27/12/2018; - Quyết định số 1756/QĐ- BTNMT ngày 11/8/2020. |
| 4 | Kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quyết định phê duyet báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án | - 15 ngày làm việc không bao gồm thời gian chủ dự án hoàn thiện hồ sơ và thời gian phân tích mẫu chất thải | Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng | Không | x | Không | - Luật Bảo vệ môi trường năm 2014; - Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015; - Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/05/2019 của Chính |

| | | | | | | | |
|----------------------------------|---|---------------------|-----------------------------------|-------|---|-------|---|
| | | | | | | | phủ; - Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019; - Quyết định số 3471/QĐ-UBND ngày 27/12/2018; - Quyết định số 1756/QĐ-BTNMT ngày 11/8/2020. |
| IV. LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI (06) | | | | | | | |
| 1 | Thẩm định nhu cầu sử dụng đất; thẩm định điều kiện giao đất, thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, điều kiện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao trong khu kinh tế | - 30 ngày làm việc. | Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng | Không | x | Không | - Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. |
| 2 | Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt hoặc phải | - 20 ngày làm việc | Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng | Không | x | x | - Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; - Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày |

| | | | | | | | |
|---|---|--------------------|-----------------------------------|-------|---|---|--|
| | cấp giấy chứng nhận đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao trong khu kinh tế | | | | | | <p>15/5/2014 của Chính phủ;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ; - Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. - Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 89/2017/TT-BTC ngày 23/8/2017 của Bộ Tài chính. |
| 3 | Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án không phải trình cơ quan nhà nước có | - 20 ngày làm việc | Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng | Không | x | x | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; - Nghị định số |

| | | | | | | | |
|---|--|--------------------|-----------------------------------|-------|---|---|---|
| | thẩm quyền xét duyệt; dự án không phải cấp giấy chứng nhận đầu tư; trường hợp không phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao trong khu kinh tế | | | | | | <p>45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>- Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính;</p> <p>- Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính;</p> <p>- Thông tư số 89/2017/TT-BTC ngày 23/8/2017 của Bộ Tài chính</p> |
| 4 | Gia hạn sử dụng đất trong khu công nghệ cao, khu kinh tế | - 07 ngày làm việc | Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng | Không | x | x | <p>- Luật Đất đai năm 2013;</p> <p>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;</p> |

| | | | | | | | |
|---|--|--------------------|-----------------------------------|-------|---|---|--|
| | | | | | | | <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/1/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. |
| 5 | <p>Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất trong khu kinh tế</p> | - 30 ngày làm việc | Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng | Không | x | x | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT |

| | | | | | | | |
|---|---|--|-----------------------------------|-------|---|---|--|
| | | | | | | | <p>ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>- Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>- Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p> |
| 6 | Miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuê mặt nước trong Khu kinh tế | - 15 ngày làm việc (không kể thời gian chuyển thông tin địa chính, xác định giá đất cụ thể, thông báo tiền thuê đất) | Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng | Không | x | x | <p>- Luật Đất đai năm 2013;</p> <p>- Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính;</p> <p>- Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ</p> |

| | | | | | | | |
|--|--|---|-----------------------------------|-----------------------|---|---|--|
| | | | | | | | Tài chính; - Thông tư số 89/2017/TT-BTC ngày 23/8/2017 của Bộ Tài chính; |
| V. LĨNH VỰC QUẢN LÝ THƯƠNG MẠI (05) | | | | | | | |
| 1 | Cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài. | - 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của Bộ quản lý chuyên ngành trong trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều 7 Nghị định 07/2016/NĐ-CP và trường hợp việc thành lập Văn phòng đại diện chưa được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành; (Theo qui định là 05 ngày làm việc kể từ ...) - 05 ngày làm việc đối với các trường hợp còn lại. (Theo quy định là 07 ngày làm việc) | Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng | 3.000.000 đ/giấy phép | x | x | - Luật Thương mại năm 2005; - Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016; - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016; Thông tư số 143/2016/TT-BTC ngày 26/9/2016. |

| | | | | | | | |
|---|---|---|-----------------------------------|-----------------------|---|---|---|
| 2 | Điều chỉnh Giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài. | <p>- 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của Bộ quản lý chuyên ngành trong trường hợp việc điều chỉnh nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện dẫn đến Văn phòng đại diện thuộc trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều 7 Nghị định 07/2016/NĐ-CP và trường hợp việc điều chỉnh nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện chưa được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành.</p> <p>(Theo quy định là 05 ngày làm việc kể từ ,,)</p> <p>- 03 ngày làm việc đối với các trường hợp còn lại.</p> <p>(Theo quy định là 05 ngày làm việc)</p> | Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng | 1.500.000 đ/giấy phép | x | x | <p>- Luật Thương mại năm 2005;</p> <p>- Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016;</p> <p>- Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016; Thông tư số 143/2016/TT-BTC ngày 26/9/2016.</p> |
| 3 | Gia hạn Giấy phép thành lập văn phòng đại diện của | - 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận | Ban Quản lý Khu | 1.500.000 đ/giấy | x | x | - Luật Thương mại năm |

| | | | | | | | |
|---|--|--|-----------------------------------|-----------------------|---|---|--|
| | thương nhân nước ngoài. | được ý kiến của Bộ quản lý chuyên ngành trong trường hợp việc gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện chưa được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành. (Theo quy định là 05 ngày làm việc) - 03 ngày làm việc đối với các trường hợp còn lại. (Theo quy định là 05 ngày làm việc) | kinh tế Hải Phòng | phép | | | 2005; - Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016; - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016; Thông tư số 143/2016/TT-BTC ngày 26/9/2016. |
| 4 | Cấp lại Giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài. | 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (Theo quy định là 05 ngày làm việc) | Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng | 1.500.000 đ/giấy phép | x | x | - Luật Thương mại năm 2005; - Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016; - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016; Thông tư số 143/2016/TT-BTC ngày 26/9/2016. |
| 5 | Chấm dứt hoạt động của văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài. | 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (Theo quy định là | Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng | Không | x | x | - Luật Thương mại năm 2005; - Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày |

| | | | | | | | |
|---|---|---|-----------------------------------|-------|---|---|--|
| | | 05 ngày làm việc) | | | | | 25/01/2016; - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016; Thông tư số 143/2016/TT-BTC ngày 26/9/2016. |
| VI. LĨNH VỰC XUẤT NHẬP KHẨU (01) | | | | | | | |
| 1 | Cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O mẫu D) | <p>1. Trường hợp Khai báo hồ sơ đề nghị cấp C/O theo biểu mẫu điện tử sẵn có trên hệ thống:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 06 giờ làm việc: Nhận thông báo kết quả xét duyệt trên hệ thống; - 02 giờ làm việc: Sau khi nộp Đơn đề nghị cấp C/O và mẫu C/O bản giấy; <p>2. Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp tại Ban Quản lý: Trong 08 giờ làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa đầy đủ và hợp lệ.</p> <p>3. Trường hợp nộp hồ sơ đề nghị cấp</p> | Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng | Không | x | x | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Thương mại năm 2005; - Luật Quản lý ngoại thương năm 2017; - Nghị định số 31/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018; - Thông tư số 22/2016/TT-BCT ngày 03/10/2016; Thông tư số 05/2018/TT-BCT ngày 03/4/2018. |

| | | | | | | | |
|------------------------------------|---|--|-----------------------------------|---|-------|-------|--|
| | | Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa qua bưu điện: Trong 24 giờ làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ theo ngày ghi trên bì thư. | | | | | |
| VII. LĨNH VỰC XÂY DỰNG (05) | | | | | | | |
| 1 | Cấp giấy phép xây dựng (Bao gồm: Giấy phép xây dựng mới; giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo; giấy phép di dời công trình; giấy phép xây dựng có thời hạn) đối với các công trình thuộc phạm vi quản lý của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng, trừ công trình thuộc thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng của Bộ Xây dựng. | <ul style="list-style-type: none"> - Đối với công trình: Không quá 20 ngày làm việc. - Đối với nhà ở riêng lẻ: Không quá 10 ngày làm việc. (Theo quy định là 15 ngày làm việc) | Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng | <ul style="list-style-type: none"> - Đối với công trình: 150.000 đ/giấy phép. - Đối với nhà ở riêng lẻ: 75.000 đ/giấy phép. | Không | Không | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 năm 2014. - Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng - Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021; Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021; Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018; - Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/03/2016; Thông tư số 07/2019/TT-BXD ngày 07/11/2019; - Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 08/9/2017; |

| | | | | | | | |
|---|---|--|-----------------------------------|--|-----------------------|-----------------------|---|
| | | | | | | | - Nghị quyết số 45/2018/NQ-HĐND ngày 10/12/2018. |
| 2 | Điều chỉnh, gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng đối với các công trình thuộc phạm vi quản lý của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng. | <ul style="list-style-type: none"> - Điều chỉnh giấy phép xây dựng: + Đối với công trình: Không quá 20 ngày làm việc. + Đối với nhà ở riêng lẻ: Không quá 10 ngày làm việc. (Theo quy định là 15 ngày làm việc) - Gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng: Không quá 05 ngày làm việc. | Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng | <ul style="list-style-type: none"> - Điều chỉnh GPXD: + Đối với công trình: 150.000 đ/giấy phép. + Đối với nhà ở riêng lẻ: 75.000 đ/giấy phép. - Gia hạn, cấp lại GPXD: 15.000 đ/lần | Gia hạn, cấp lại GPXD | Gia hạn, cấp lại GPXD | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 năm 2014; - Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng. - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021; Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021; Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018; - Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/03/2016; Thông tư số 07/2019/TT-BXD ngày 07/11/2019; - Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 08/9/2017; - Nghị quyết số 45/2018/NQ-HĐND ngày 10/12/2018. |
| 3 | Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi/ báo cáo nghiên cứu khả thi | - Không quá 20 ngày làm việc đối với dự án nhóm B; | Ban Quản lý Khu kinh tế Hải | Thu theo quy định của Bộ | Không | Không | - Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 năm 2014; |

| | | | | | | | |
|---|---|--|-----------------------------------|---|---|-------|--|
| | điều chỉnh đối với các công trình thuộc phạm vi quản lý của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng, trừ các công trình thuộc thẩm quyền thẩm định của Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành. | - Không quá 15 ngày làm việc đối với dự án nhóm C. | Phòng | Tài chính (Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016) | | | - Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng. - Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021; Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021; Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018; - Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/03/2016; Thông tư số 07/2019/TT-BXD ngày 07/11/2019; Quyết định số 05/2019/QĐ-UBND ngày 18/01/2019; |
| 4 | Thẩm định thiết kế xây dựng sau thiết kế cơ sở/ Thiết kế xây dựng sau thiết kế cơ sở điều chỉnh đối với các công trình thuộc phạm vi quản lý của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng, trừ các công trình thuộc thẩm quyền thẩm định của Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành. | 20 ngày làm việc với công trình cấp II, cấp III | Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng | Thu theo quy định của Bộ Tài chính (Thông tư số 210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016) | x | Không | Luật Xây dựng số 50/2014/QH13; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng; Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021; Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày |

| | | | | | | | |
|--------------------------------------|---|--|-----------------------------------|-------|-------|-------|---|
| | | | | | | | 10/03/2016 của Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng; Thông tư số 07/2019/TT-BXD ngày 07/11/2019 sửa đổi, bổ sung, thay thế một số quy định tại Thông tư số Số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016. |
| 5 | Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với các công trình thuộc phạm vi quản lý của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng, trừ công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của Hội đồng nghiệm thu Nhà nước các công trình xây dựng, cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc Bộ Xây dựng và Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành | Không quá 20 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu | Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng | Không | Không | Không | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng năm 2014; - Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng. - Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021; - Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018; - Quyết định số 05/2019/QĐ-UBND ngày 18/01/2019. |
| VIII. LĨNH VỰC QUY HOẠCH (02) | | | | | | | |
| 1 | Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều | Thời gian thẩm định nhiệm vụ | Ban Quản lý Khu | | Không | Không | - Luật Quy hoạch đô thị năm 2009; Luật Xây |

| | | | | | | | |
|---|--|--|-----------------------------------|--|-------|-------|--|
| | chính quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng. | không quá 20 ngày làm việc, thời gian phê duyệt nhiệm vụ không quá 15 ngày làm việc. | kinh tế Hải Phòng | Thu theo quy định của Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng | | | <p>dựng năm 2014; Luật quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017; Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng.</p> <p>- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010; Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015; Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018;</p> <p>- Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016; Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019.</p> <p>- Quyết định số 913/QĐ-UBND ngày 02/4/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.</p> |
| 2 | Thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng thuộc | Thời gian thẩm định đồ án không quá 25 ngày làm việc, thời gian phê | Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng | Thu theo quy định của Thông tư | Không | Không | - Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009; Luật Xây dựng năm 2014; Luật Xây dựng năm |

| | | | | | | |
|--|---|---|--|---|--|---|
| | thẩm quyền phê duyệt của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng. | duyet đồ án không quá 15 ngày làm việc. | | số 20/2019/ TT-BXD ngày 31/12/201 9 của Bộ Xây dựng | | <p>2014; Luật quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017; Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng.</p> <p>- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010; Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015; Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018;</p> <p>- Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016; Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019.</p> <p>- Quyết định số 913/QĐ-UBND ngày 02/4/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.</p> |
|--|---|---|--|---|--|---|